

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
Số: 2348 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kbang, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ Nhiệm vụ và hồ sơ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

Căn cứ Thông báo số 701/TB/HU ngày 18/10/2023 của Ban thường vụ Huyện ủy về thống nhất chủ trương thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng 13 xã.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 06/XD-KT&HT ngày 24/11/2023 về việc thẩm định quy hoạch chung xây dựng xã Tơ Tung, huyện Kbang đến năm 2032.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

*** Phạm vi lập quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã.

*** Ranh giới:**

- + Phía Bắc giáp : Xã Lơ Ku.
- + Phía Nam giáp : Xã An Thành, Huyện Đak Pơ.
- + Phía Đông giáp : Xã Đông, xã Kông Long Khong.
- + Phía Tây giáp : Xã Hra huyện Mang Yang.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

*** Mục tiêu quy hoạch:**

- Hình thành xã đạt chuẩn nông thôn mới, theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới. Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.
- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.
- Làm cơ sở pháp lý để triển khai lập các quy hoạch chi tiết, cho việc tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

*** Tính chất:**

- Là xã có tính chất quan trọng về an ninh quốc phòng.
- Là xã sản xuất nông - lâm nghiệp, trọng điểm là trồng cây mía, lúa nước... và một số loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã 2022 là: 5.922 người.
- Quy mô dân số định hướng đến năm 2032: 6.614 người.

3.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2032: 4.431 người.

3.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Tư Tung đến năm 2022: 10.302,61 ha.
- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2032: 10.302,61 ha.

3.4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về kiến trúc, quy hoạch tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07/2016/BXD.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Điểm dân cư trung tâm xã :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu. Bên cạnh còn gắn các điểm dân cư người bản địa sống ổn định từ lâu đời...
- Phát triển không gian tập trung.
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.
- Gồm các hộ thương mại dịch vụ có diện tích 200m² - 400m² (là các hộ ở vị trí thuận lợi gần các trục giao thông chính, trung tâm xã) cần xác định mật độ xây dựng phù hợp với từng lô đất.
- Mật độ xây dựng: <70%;

4.2. Điểm dân cư tại thôn, làng:

- Các điểm dân cư tại các thôn, làng chủ yếu sản xuất nông nghiệp bố cục chủ yếu theo dạng tuyến dọc theo các trục đường, đường sản xuất, chủ yếu là các khu dân cư tập trung.
- Xây dựng hình ảnh nông thôn mới văn minh, hiện đại. Môi trường trong sạch.
- Diện tích lô đất ở dự kiến: 400m²/hộ.
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: <60%.

4.3. Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường, Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.
- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường
- Khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi để mở rộng diện tích lúa nước, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển đa ngành.
- Quy hoạch vùng sản xuất hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có phù hợp với loại cây trồng.
- Xây dựng và kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập giữ nước đảm bảo lượng

nước tưới cho cây trồng vào mùa khô.

4.4. Chăn nuôi - thủy sản:

* Chăn nuôi:

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp (mô hình chăn nuôi trang trại). Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao.

* Thủy sản:

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước và tận dụng các vùng đất thấp ven sông, suối xây dựng ao nuôi thủy sản với các loài có giá trị kinh tế cao

4.5. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ:

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích nghề truyền thống của xã phát triển, đặc biệt là các nghề phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương như: xay sát, mộc dân dụng, giết mổ gia súc... nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ của nhân dân và làm hàng hóa.

4.6. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Đầu tư xây dựng chợ trung tâm xã để tạo điều kiện cho mua bán và trao đổi hàng hoá nông sản của nhân dân.

- Đối với các làng dân tộc thiểu số cần gìn giữ và phát huy bản sắc của từng buôn làng... quy hoạch không gian kiến trúc phù hợp theo văn hóa dân tộc, đồng thời xây dựng phát triển không gian văn hóa bản địa, xây dựng mô hình làng văn hóa, làng nghề truyền thống của người dân tộc thiểu số.

- Khai thác, phát triển dịch vụ du lịch tại khu di tích lịch sử “Làng kháng chiến Sơ Tor - Nhà lưu niệm anh Hùng Núp”. Ngoài ra, cần đề xuất phương án phát triển kết nối với các điểm tham quan du lịch khác trên địa bàn xã, kết hợp với phát triển các hình thức dịch vụ tham quan, nghỉ dưỡng tại từng khu vực (kết hợp tại các hộ dân trong làng dạng homestay, farmstay...), tìm hiểu văn hóa dân tộc bản địa,....

- Chú trọng hợp tác, liên kết giữa các điểm du lịch ở địa phương với các địa bàn du lịch khác để hình thành hệ thống các tuyến điểm du lịch, góp phần đa dạng các sản phẩm du lịch, tăng cường thu hút khách du lịch.

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Các nội dung quy hoạch khu trung tâm xã và công trình chức năng của xã:

- Kế thừa và cập nhật các nội dung của QHCT khu trung tâm xã, điều chỉnh các khu vực phù hợp với nhu cầu phát triển của xã và định hướng chung của huyện.

- Quy hoạch xây dựng chợ xã nằm tại làng Nam Cao với diện tích khoảng 0,3 ha.

- Định hướng sát nhập trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám với trường Tiểu học – THCS Tơ Tung.

- Quy hoạch mở rộng khu di tích làng kháng chiến Stor và quy hoạch mở rộng khu nhà lưu niệm Anh Hùng Núp (tại làng Sơ Tor).

- Quy hoạch, đầu tư nâng cấp đập dâng thủy lợi Đê Bar thành hồ chứa nước để đảm bảo nước tưới cho toàn bộ diện tích trồng lúa nước của cánh đồng Đê Bar và

cánh đồng Tơ Lốp.

- Quy hoạch mới hồ thủy lợi thượng Kléché để phục vụ nước tưới cho diện tích cây trồng cây các làng Kléché, làng Cao Sơn.

- Đầu tư nâng cấp Đập chứa thủy lợi Đê Bar với diện tích mở rộng lòng đập khoảng 10 ha.

- Đầu tư nâng cấp đập thủy lợi Suối Khăm.

- Quy hoạch bãi tập kết rác thải của xã nằm tại làng Đầm Khong (cánh đồng Tờ Lốp) với diện tích khoảng 0,65 ha.

- Quy hoạch bãi xử lý rác thải của xã nằm phía Đông của Đầm Khong diện tích khoảng 2 ha.

- Định hướng nghĩa trang trung tâm của xã nằm tại làng Trường Sơn.

5.2. Đối với các làng:

*** Làng Đak Pơ Kao**

- Quy hoạch khu dân cư phía Đông Bắc nhà rông Văn hóa.

- Quy hoạch khu dân cư phía Nam, nằm dọc tuyến đường trục xã.

- Quy hoạch khu dân cư hai bên tuyến đường nội làng ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Măng).

- Quy hoạch khu dân cư hai bên tuyến đường nội làng ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Xấp và đoạn nhà bà Xa).

- Quy hoạch khu dân cư hai bên tuyến đường nội làng ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Drak đến nhà ông Tiên).

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng tiếp nối đường nội đồng hiện có từ làng Nam Cao qua làng Đăk Pơ Kao tới suối với chiều dài khoảng 943m.

*** Làng Sơ Tor:**

- Quy hoạch khu dân cư phía Tây Nam, sau khu dân cư hiện hữu.

- Quy hoạch mới đường tuyến nội làng và đường ngõ xóm nối từ đường hiện trạng ra tuyến đường liên xã và phát triển dân cư bám dọc hai bên 2 tuyến đường này với chiều dài khoảng 850 m.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng dự kiến phía Đông Bắc nối từ đường ngõ xóm hiện trạng ra suối có chiều dài khoảng 450m.

- Quy hoạch mở rộng khu di tích làng kháng chiến Sơ Tor phục dựng với diện tích khoảng 4,65 ha và quy hoạch mở rộng khu nhà lưu niệm Anh Hùng Núp với diện tích khoảng 1,20 ha.

*** Làng Kuk Tung:**

- Quy hoạch mới tuyến đường ngõ xóm (đối diện đường vào nhà rông văn hoá) nối từ đường trục xã đi đến suối với chiều dài khoảng 100m.

- Quy hoạch mới 01 tuyến đường nội đồng nối từ đường trục xã đi đến khu cánh đồng lúa nước của làng (bãi cháy cũ) chiều dài khoảng 950m.

- Quy hoạch khu dân cư nằm phía sau nhà rông văn hóa và khu dân cư hiện hữu.

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường liên xã.

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường đi ra khu sản xuất phía Nam, sau khu dân cư hiện hữu (khu vực gần nghĩa địa làng).

*** Làng Leng:**

- Quy hoạch khu dân cư phía Tây nằm trên tuyến đường liên xã và sau khu dân cư hiện hữu.

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường từ đường liên xã qua đường Quốc lộ Trường Sơn Đông.

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường ngõ xóm (đoạn đường từ nhà rông đi ra khu nghĩa địa làng và ra đường Trường Sơn Đông).

- Quy hoạch mới các tuyến đường ngõ xóm trong làng giáp từ đường nội làng hiện trạng chiều dài khoảng 200m.

*** Làng Đồng Tâm:**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng dự kiến phía Đông Nam (từ cụm dân cư làng Leng 1 nối ra tuyến đường Trường Sơn Đông) có chiều dài khoảng 300m.

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường trục xã và hai bên tuyến đường nội làng (từ đường trục xã vào cụm dân cư làng Leng 1 cũ).

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường ra khu sản xuất của làng (từ nhà bà Thủy Đồng đi khu sản xuất).

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường ra khu sản xuất (đoạn đường vào nhà bà Thường).

*** Làng Nam Cao:**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng (đoạn từ nhà ông Đông đến giáp đường trục xã) với chiều dài khoảng 381m.

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường Trường Sơn Đông (đoạn trạm cân mì đi đến nhà ông Thịnh Dù).

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường nội làng ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Chiến đi đến nhà ông Lợi).

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường ngõ xóm đoạn từ nhà ông Đức Hoà đi vào.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa địa làng Nam Cao diện tích mở rộng thêm khoảng 0,6ha.

*** Làng Trường Sơn:**

- Quy hoạch mới tuyến đường ngõ xóm (đoạn từ nhà ông Cải nối lên tuyến đường ngõ xóm hiện có) với chiều dài khoảng 126m.

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường liên xã đi xã Kông Long Khong.

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Sơn đi khu sản xuất).

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường tuyến ra khu sản xuất (đoạn nhà bà Mờ đi vào).

- Chuyển đổi một phần diện tích đất trồng cây hàng năm qua đất nông nghiệp

khác.

*** Làng Đàm Khong:**

- Quy hoạch nghĩa địa của làng về phía Đông với diện tích khoảng 1,10 ha.
- Quy hoạch mới tuyến đường nội làng (phía sau lớp học) với chiều dài khoảng 102m.
- Quy hoạch mở mới 2 tuyến đường ra khu sản xuất của làng (tuyến giáo đường Trường Sơn Đông từ nhà ông Lý đến suối Chư Pâu và tuyến từ lớp học đến khu nghĩa địa quy hoạch mới với chiều dài khoảng 900 m.
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường Trường Sơn Đông đoạn từ đầu làng đến cuối làng.
- Quy hoạch khu dân cư phía Tây (sau nhà rông văn hóa).
- Quy hoạch khu dân cư phía Tây, dọc hai bên tuyến đường nội làng ra khu sản xuất.
- Chuyển đổi một phần diện tích đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác.

*** Làng Cao Sơn:**

- Quy hoạch mới khu nghĩa địa trang nhân dân của làng với diện tích khoảng 1,10 ha.
- Quy hoạch mở mới 2 tuyến đường ra khu sản xuất của làng (tuyến từ nhà bà Kính đi khu sản xuất và tuyến đi vào khu nghĩa trang nhân dân quy hoạch mới với chiều dài khoảng 1,6 km.
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường ngõ xóm (đoạn ngã ba phía Tây của làng).
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường phía Đông đi xã Kông Long Khong.

*** Làng Kléch:**

- Quy hoạch mới tuyến đường ngõ xóm từ giáp đường nội làng đi đến nhà rông với chiều dài khoảng 225m.
- Quy hoạch mới tuyến đường ngõ xóm từ giáp đường nội làng đến suối với chiều dài khoảng 113m.
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường nội làng đi khu sản xuất. ngõ xóm (hướng đi xã Đông).
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường nội làng (từ nhà ông Kỳ đến nhà ông Tám).
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường Trường Sơn Đông.
- Chuyển đổi một phần diện tích đất trồng cây hàng năm qua đất nông nghiệp khác.

6. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Chuyển đổi một phần diện tích đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác tại làng Đàm Khong nhằm kêu gọi thu hút đầu tư các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn cho xã.

- Khuyến khích các hộ gia đình giữ gìn và phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương nhằm thu hút du lịch, hỗ trợ cho phát triển kinh tế.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN XÃ

TT	Mục đích sử dụng đất	Định hướng đến năm 2027		Định hướng đến năm 2032	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	10.024,14	97,30%	9.998,96	97,05%
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	3.775,60	36,65%	3.680,90	35,73%
1.2	Đất lâm nghiệp	6.178,41	59,97%	6.212,26	60,30%
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	8,14	0,08%	8,14	0,08%
1.4	Đất nông nghiệp khác	61,99	0,60%	97,66	0,95%
2	Đất xây dựng	193,72	1,88%	218,90	2,12%
2.1	Đất ở	59,49	0,58%	64,85	0,63%
2.2	Đất công cộng	8,85	0,09%	8,85	0,09%
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	4,23	0,04%	4,23	0,04%
2.4	Đất danh lam thắng cảnh, di tích	8,54	0,08%	10,87	0,11%
2.5	Đất xây dựng các chức năng khác	4,60	0,04%	4,60	0,04%
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	103,59	1,01%	121,08	1,18%
-	Đất giao thông	85,62		101,01	
-	Đất xử lý chất thải rắn	1,65		2,65	
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	16,32		17,42	
-	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác				
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	4,33	0,042%	4,33	0,042%
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	0,07	0,001%	0,07	0,001%
3	Đất khác	84,75	0,82%	84,75	0,82%
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	79,48	0,77%	79,48	0,77%
3.2	Đất chưa sử dụng	5,27	0,05%	5,27	0,05%
-	Tổng cộng	10.302,61	100%	10.302,61	100%

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối:

8.1. Quy hoạch san nền thoát nước mưa:

8.1.1. San nền:

- Tôn trọng hiện trạng, đảm bảo khu vực không bị ngập úng sạt lở đất.
- Hạn chế đào đắp lớn.
- Thoát nước mặt thuận lợi.
- Kinh phí đầu tư cho công tác san nền thoát nước hiệu quả nhất.

8.1.2. Thoát nước mưa:

- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chỉ nên xây dựng cống hoặc mương thoát nước cho khu vực trung tâm xã, các khu vực dân cư có ít nhất 20 hộ gia đình sống tập trung.
- Chọn chủng loại rãnh thoát nước dạng hở xây dựng ven các trục đường giao thông ngoài khu dân cư, thiết diện hình thang, kết cấu xây gạch đá.
- Các tuyến cống chính dùng chủng loại cống hộp BTCT hoặc xây đá có nắp đan BTCT.
- Các tuyến cống trong làng xây đá chẻ có nắp đan BTCT.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.
- Lưu vực tiêu thoát nước chính là các suối khe lớn trong khu vực.

8.2. Quy hoạch giao thông:

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông điển hình

TT	Tên loại đường	Tên mặt cắt giao thông	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)	Ghi chú
1	Đường Trường Sơn Đông	1-1	7,5	11,25x2	30	
2	Đường Huyện, Liên xã	2-2	5,5	7,25x2	20	Lòng đường qua trung tâm xã: 8,0m
3	Đường xã, liên thôn, làng	3-3	5,5	3,75x2	13	
4	Đường nội thôn, làng	4-4	5,5	3x2	11,5	
5	Đường đi khu sản xuất	5-5	3,5	1,75x2	7	

8.3. Quy hoạch thủy lợi:

- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kiên cố hóa hệ thống kênh, dẫn nước để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, đảm bảo đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu chuyển dịch để phát triển sản xuất hiệu quả và phục vụ dân sinh.
- Đầu tư nâng cấp đập thủy lợi Suối Khăm.
- Đầu tư nâng cấp đập dâng thủy lợi Đê Bar thành hồ chứa nước để đảm bảo nước tưới cho toàn bộ diện tích trồng lúa nước của cánh đồng Đê Bar và cánh đồng Tơ Lốp.
- Quy hoạch mới hồ thủy lợi thượng Kléché để phục vụ nước tưới cho diện tích cây trồng cây các làng Kléché, làng Cao Sơn.
- Tổ chức thành lập các tổ chức thủy lợi cơ sở để thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành, khai thác, điều tiết nước sản xuất tại các công trình thủy lợi.
- Tổ chức tập huấn cho nhân dân và cán bộ xã về kiến thức và phòng, chống

thiên tai tại chỗ.

8.4. Quy hoạch cấp điện:

8.4.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2027 là 1.452 KVA.
- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2032 là 1.577 KVA.

8.4.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

*** Nguồn cấp điện:**

- Quốc gia từ đường dây 22kv hiện có.

*** Trạm biến áp:**

- Hiện trạng xã có 10 TBA cấp điện sinh hoạt và sản xuất.
- Quy hoạch mới các TBA 22/0,4KV công suất từ 100-150KV thay thế các trạm biến áp 1P, 2P hiện có, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân tại các làng hiện có và đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho các khu dân cư mới trên địa bàn xã cũng như phục vụ đến các khu sản xuất tập trung.

*** Đường dây điện 22KV:**

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện có của xã thành lưới điện 22KV với tổng chiều dài đường dây 23,3km.

- Trạm biến áp và đường dây cấp điện 22KV sẽ được đầu tư theo từng khu vực phát triển mới và theo từng giai đoạn phù hợp với nguồn lực của xã và nhu cầu dân cư cụ thể.

- Công suất trạm biến áp, loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện dự án riêng.

*** Đường dây điện 0,4KV:**

- Chính trang lại các tuyến đường dây 0,4KV, thay thế các tuyến đường dây không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn cấp điện. Quy hoạch mới các tuyến cấp điện đến các khu dân cư giãn dân, khu sản xuất. Dự kiến nâng cấp và đầu tư mới khoảng 28,1 km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện các dự án.

*** Chiếu sáng giao thông:**

- Phát triển chiếu sáng khu vực nông thôn kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã.
- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.
- Sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện.
- Sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng công cộng, các trục đường chính ngoài khu dân cư...

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

8.5.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước

- Tổng lượng nước cấp đến năm 2027 là 650 m³/ng.đ.
- Tổng lượng nước cấp đến năm 2032 là 686 m³/ng.đ.

*** Nguồn nước:**

- Nguồn nước mặt: Mạng lưới sông suối trên địa bàn xã, hồ chứa...
- Nguồn nước ngầm: Nước ngầm mạch nông trên địa bàn xã có hàm lượng vô cơ cao, độ sâu của các giếng khoan từ 60 - 70m mới có nước. Trữ lượng nước ngầm ít, khó khai thác vào mùa khô.

*** Giải pháp quy hoạch:**

- Là xã mà đời sống của các hộ dân trong xã còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là nguồn nước sinh hoạt của các hộ dân. Xây dựng trạm cấp nước tập trung với công trình xử lý nước hoàn chỉnh là phù hợp trong bối cảnh thiếu nước vào mùa khô của Tây Nguyên.

Công trình đầu mối:

- Giai đoạn trước mắt: tạm thời sử dụng giếng khoan đường kính nhỏ cấp nước cho nhu cầu dân sinh, cần phải hướng dẫn các hộ gia đình xử lý nước trước khi dùng bằng bể lọc gia đình.
- Giai đoạn đến năm 2027: Nhu cầu dùng nước là 641 m³/ng.đ. Xây dựng trạm xử lý có công suất 650 m³/ng.đ, khai thác nguồn nước mặt từ các suối có lưu lượng ổn định.
- Giai đoạn đến năm 2032: Nhu cầu dùng nước là 678 m³/ng.đ, cần mở rộng trạm xử lý nước để nâng khả năng cung cấp cho các nhu cầu, đồng thời mở rộng mạng lưới đường ống chính đưa nước đến các điểm dân cư mở rộng và các CTCC mới.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

8.6.1. Tổng lưu lượng nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là 355 m³/ng.đ.
- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là 507 m³/ng.đ.

8.6.2. Các chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2027 là 4,0 tấn/ng.đ.
- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2032 là 5,1 tấn/ng.đ.

8.6.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

*** Thoát nước bản:**

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

*** Chất thải rắn:**

- Giai đoạn trước mắt:

+ Bố trí 1 điểm chôn lấp CTR hợp vệ sinh cho toàn xã tại khu vực phía bắc khu trung tâm xã, cách trung tâm xã khoảng 2,0 Km. Diện tích dự kiến khoảng 0,49 ha.

- Đến năm 2032:

+ Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các làng được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng 70-90 bể chứa CTR cho các thôn làng và các điểm dân cư trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và phân bón cây trồng.

8.7. Quy hoạch nghĩa trang:

- Toàn xã có 18 nghĩa trang nằm ở các làng, các nghĩa trang hiện đang tiếp tục an táng. Hình thức chôn cất theo phong tục tập quán địa phương. Định hướng quy hoạch tiếp tục sử dụng nghĩa trang hiện có, đồng thời cần khoanh định các nghĩa trang và bố trí các khu vực với khoảng cách ly cây xanh hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng nghĩa trang các làng có diện tích 1-2 ha.

- Đối với các làng có nghĩa trang gần với khu dân cư (dưới 500m) thì khoanh vùng lại và tìm vị trí quy hoạch mới đảm bảo tiêu chuẩn cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Dự kiến đến giai đoạn dài hạn: Trồng cây xanh bao quanh nghĩa trang tại các thôn làng, xây dựng đường đi, mộ chỉ xây có hàng lối, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp tôn nghiêm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

9.1. Các dự án ưu tiên đầu tư: Làm mới, nâng cấp các tuyến đường liên thôn làng và các tuyến trục thôn, các tuyến đường ra khu sản xuất. Đầu tư các công trình công cộng thiết yếu cấp xã và các thôn làng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

9.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách, kêu gọi nhân dân đóng góp, vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: (có quy định cụ thể kèm theo)

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

11.1. Tiến độ:

- Giai đoạn đầu 2023-2027

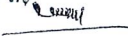
- Giai đoạn sau 2028-2032

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện: Thực hiện theo phân kỳ các giai đoạn trung hạn 5 năm và có kế hoạch chi tiết thực hiện hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Tư Tung phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thay thế cho Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Điều chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tư Tung,

huyện KBang , tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tơ Tung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Sở Xây dựng;
 - TT Huyện ủy;
 - TT HĐND huyện;
 - TT UBND huyện;
 - Công thông tin điện tử huyện;
 - Lưu: VT, VP, TH.
- 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

